

Số: 2/2014/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 25 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung Quyết định số 70/2011/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2014/NQ-HĐND8 ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Nghị quyết số 61/2011/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII quy định một số mức chi đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp Tờ trình số 745/TTr-STP ngày 24 tháng 7 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Quyết định số 70/2011/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

Bổ sung một số mức chi đặc thù trong công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đối với xã, phường, thị trấn (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – BTP;
- TT.TU, TT. HĐND; Đoàn ĐBQH tỉnh
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (9/)
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo, Website tỉnh; HCTC;
- LĐVP: TU, ĐBQH-HĐND, UBND tỉnh; CV;
- Lưu: VT. ✎

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ✎
CHỦ TỊCH



Lê Thanh Cung



Phụ lục

**PHỤ LỤC MỘT SỐ MỨC CHI ĐẶC THÙ TRONG CÔNG TÁC RÀ SOÁT,
THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC
PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*theo Quyết định số 28 /2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
			Cấp xã	
1.	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
a)	Chủ trì cuộc họp	người/buổi	70	
b)	Các thành viên tham dự	người/buổi	50	
2.	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	200	
3.	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực	01 báo cáo	400	
	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 báo cáo	600	
4.	Chi công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng			Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
5.	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản và công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
a)	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang	01 văn bản	40	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
			Cấp xã	
	có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản và kiểm tra văn bản.			
b)	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản và kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí			Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 văn bản	30	Không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
6.	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng rà soát, hệ thống hóa văn bản			Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
7.	Đối với các khoản chi khác: làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm...			Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí